

Tổng hợp phương pháp đo lường tác động xã hội của doanh nghiệp

Đồng Thị Kiều Trang^{1*}, Lương Thị Ngọc Hà²

¹Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn, 16 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 20/7/2021; ngày chuyển phản biện 26/7/2021; ngày nhận phản biện 24/8/2021; ngày chấp nhận đăng 30/8/2021

Tóm tắt:

Nhằm đem lại một cái nhìn tổng quát về các phương pháp đo lường tác động xã hội (TĐXH) của doanh nghiệp (DN), nghiên cứu này tổng hợp và phân loại 49 phương pháp đo lường TĐXH đang được áp dụng phổ biến trên thế giới trong thời gian gần đây. Bằng việc xem xét trên 6 khía cạnh cụ thể, kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 14/49 phương pháp thực sự đo lường được TĐXH một cách cụ thể. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị đối với Nhà nước và các DN, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực đo lường TĐXH, góp phần giúp DN kinh doanh theo hướng bền vững.

Từ khóa: doanh nghiệp, đo lường tác động xã hội, tác động xã hội.

Chỉ số phân loại: 5.4

1. Mở đầu

TĐXH là tổng kết quả được tạo ra do hoạt động của một tổ chức, được xem xét thêm cả những tác động có thể xảy ra [1]. Theo Knowledge Wharton High School (2011) [2], TĐXH là ảnh hưởng của hành động của một tổ chức đối với hạnh phúc của cộng đồng. Như vậy, đo lường TĐXH là quá trình xác định, giám sát và sử dụng các biện pháp để chứng minh lợi ích được tạo ra cho người hưởng lợi và cộng đồng thông qua các bằng chứng về những kết quả và những TĐXH [3].

Đo lường TĐXH đem lại nhiều lợi ích cho các DN. Cụ thể là giúp các DN nhận thức được mình đang ở đâu và đang làm gì, tức là các hoạt động hiện tại của doanh nghiệp đang tạo ra những kết quả nào, có đem lại hiệu quả hay không để từ đó có những quyết định định hướng trong tương lai [4]. Ngoài ra, đo lường TĐXH cũng là một phương thức giúp các DN tiếp cận các nguồn vốn đầu tư từ các nhà đầu tư xã hội. Hơn nữa, đo lường TĐXH cũng được đề cao bởi khách hàng - những người mua sản phẩm của DN [5]. Tức là khách hàng sẵn sàng chọn mua và chi trả sản phẩm, dịch vụ của những DN tạo ra tác động tích cực cho xã hội.

Hiện nay đã có nhiều nghiên cứu về đo lường TĐXH của DN nhưng hầu hết đều tập trung vào các quốc gia như Anh, Mỹ; và đo lường TĐXH mới đang được bắt đầu nghiên cứu sâu trong bối cảnh các nền kinh tế đã phát triển tại châu Á [6]. Còn tại Việt Nam, các thuật ngữ “TĐXH” và “đo lường

tác động” mới chỉ được quan tâm bởi các doanh nghiệp xã hội (DNXH - là các tổ chức có các hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện các mục tiêu mang tính xã hội, lợi nhuận được sử dụng để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu). Còn đối với các DN khác, những thuật ngữ này còn khá lạ lẫm hoặc chưa được quan tâm. Theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu, các tài liệu đo lường TĐXH tại Việt Nam mới chỉ tập trung vào các DNXH hoặc các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp [7, 8]. Trong khi đó, theo tìm hiểu của nhóm nghiên cứu thì hiện chưa có tài liệu cụ thể, chính thức nào về đo lường TĐXH áp dụng cho toàn bộ nhóm DN nói chung. Để lấp đầy khoảng trống nghiên cứu này, các tác giả chọn đề tài “Tổng hợp phương pháp đo lường TĐXH của DN” để nhấn mạnh tầm quan trọng của đo lường TĐXH đối với DN, đồng thời cung cấp một tài liệu tổng quát về các phương pháp đo lường TĐXH đang được áp dụng tại các quốc gia trên thế giới hiện nay bằng phương pháp phân tích và tổng hợp.

2. Các phương pháp đo lường TĐXH chính

Theo R. Maas và cs (2011) [9], các phương pháp đo lường tác động chủ yếu khác nhau ở 6 khía cạnh: mục đích, khung thời gian, định hướng, khoảng thời gian, quan điểm và cách tiếp cận. Những khía cạnh này cũng đã được C. Clark và cs (2004) [1] chỉ ra và được tổng hợp ở bảng 1 dưới đây.

*Tác giả liên hệ: Email: trangdt.vnu@gmail.com

Synthesis of social impact measurement methods of businesses

Thi Kieu Trang Dong^{1*}, Thi Ngoc Ha Luong²

¹Institute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development,
16 Thuy Khue Street, Thuy Khue Ward, Tay Ho District, Hanoi, Vietnam

²VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Received 20 July 2021; revised 24 August 2021; accepted 30 August 2021

Abstract:

This research aims to present an overview of social impact measurement methods of businesses by synthesising and classifying 49 methods that are regularly applied. By specifically looking at six specific aspects, the results show that only 14/49 methods comprehensively measure social impact. Also, this research proposes recommendations for the Vietnamese government, businesses, and researchers in the field of social impact measurement, contributing to helping businesses sustainably do business.

Keywords: business, social impact, social impact measurement.

Classification number: 5.4

Bảng 1. Khía cạnh của các phương pháp đo lường TĐXH [1].

TT	Khía cạnh	Loại
1	Mục đích	Sàng lọc (SL) Giám sát (GS) Báo cáo (BC) Đánh giá (ĐG)
2	Khung thời gian	Tương lai (TL) Hiện tại (HT) Quá khứ (QK)
3	Định hướng	Đầu vào (ĐV) Đầu ra (ĐR)
4	Khoảng thời gian	Ngắn hạn (NH) Dài hạn (DH)
5	Quan điểm	Micro (cá nhân) Meso (DN, tổ chức) Macro (xã hội)
6	Phương pháp tiếp cận	Quy trình (QT) Tác động (TĐ) Lượng giá (LG)

2.1. Mục đích

Các phương pháp đo lường có thể được phát triển cho các mục đích khác nhau. Các phương pháp phù hợp cho “sàng lọc”: tạo điều kiện đánh giá cơ hội đầu tư và hiệu quả hoạt động của tổ chức đối với các mục tiêu xã hội và tài chính của nhà đầu tư. Sàng lọc cũng có thể giúp các doanh nhân xác định được các mô hình kinh doanh hoặc các cơ hội

thị trường. Các phương pháp phù hợp cho “giám sát”: hỗ trợ quản lý việc ra quyết định hoạt động và cung cấp dữ liệu cho việc giám sát của nhà đầu tư. Các phương pháp để “báo cáo” đặc biệt hữu ích khi báo cáo với các bên liên quan, như các nhà đầu tư tiềm năng, công chúng hoặc các tổ chức khác có yêu cầu hoặc yêu cầu báo cáo hiệu suất thường xuyên. Các phương pháp “đánh giá” có thể được sử dụng để đánh giá tác động trước, sau quá trình đo lường TĐXH.

2.2. Khung thời gian

Một phương pháp có thể sử dụng các khung thời gian khác nhau để đánh giá. Một số phương pháp được áp dụng trong tương lai, có khả năng hỗ trợ thiết kế các biện pháp thay thế và hỗ trợ các nhà hoạch định ra quyết định phù hợp nhất. Phương pháp tập trung vào các sự kiện đang diễn ra ở hiện tại rất hữu ích trong việc kiểm định các kết quả giá định. Phương pháp đo lường TĐXH trong quá khứ lại rất hữu ích cho việc đánh giá các hoạt động đã xảy ra trong quá khứ.

2.3. Định hướng

Các phương pháp có định hướng mục tiêu là đầu vào hoặc đầu ra. Phương pháp tập trung đến đầu vào rất hữu ích để đánh giá sự khác biệt về đầu vào là kết quả của một hoạt động xã hội. Mặt khác, phương pháp tập trung đến đầu ra rất hữu ích để đánh giá sự khác biệt về kết quả đầu ra do hoạt động xã hội (ví dụ: niềm tin của công chúng đối với tổ chức).

2.4. Khoảng thời gian

Phương pháp có thể có một khoảng thời gian dài tập trung vào dài hạn hoặc ngắn hạn. Trong các phương pháp đo lường truyền thống, đa phần là đo lường trong ngắn hạn. Tuy nhiên, đối với đo lường TĐXH, cần tập trung trong cả ngắn, trung và dài hạn. Tác động thường không xảy ra sau một thời gian ngắn, có thể mất một thời gian dài trước khi các TĐXH xảy ra.

2.5. Quan điểm

Các phương pháp đo lường có thể sử dụng các quan điểm đo lường khác nhau (cá nhân, DN - tổ chức, xã hội). Các phương pháp đo lường có nguồn gốc từ: đo lường tác động kinh doanh, đánh giá chính sách hoặc chương trình... đều sử dụng các quan điểm khác nhau. Từ phương pháp nghiên cứu thống kê, K. Maas và cs (2011) [9] đã chỉ ra rằng, đo lường TĐXH từ quan điểm kinh doanh bao gồm các chỉ số khác nhau so với đo lường TĐXH từ quan điểm kinh tế, xã hội. Tùy thuộc vào quan điểm được sử dụng, các chỉ số khác nhau sẽ được sử dụng và do đó các tác động khác nhau sẽ được đo. Vì vậy, quan điểm sử dụng quyết định các kết quả đo lường.

2.6. Phương pháp tiếp cận

Có 3 phương pháp tiếp cận chính: quy trình, tác động và lượng hoá [1]. Thứ nhất, phương pháp quy trình với điểm mạnh là giám sát hiệu quả về chi phí của các quy trình hoạt động đang diễn ra. Thứ hai, phương pháp tác động sử dụng nhiều công cụ khác nhau với các chỉ số khác nhau được đo bằng các

đơn vị riêng biệt [10]. Cuối cùng là phương pháp lượng hoá: lượng hóa các chỉ số xã hội và môi trường (với đơn vị là tiền tệ) để có thể so sánh với các dữ liệu tài chính truyền thống [11].

Từ những năm 1990, nhiều phương pháp đã được phát triển để đo lường TĐXH. Qua quá trình tổng quan tài liệu, nhóm nghiên cứu đưa ra 49 phương pháp đo lường TĐXH (bảng 2).

Bảng 2. Tổng hợp và phân loại một số phương pháp đo lường TĐXH phổ biến.

TT	Khía cạnh	Mục đích				Khung thời gian				Định hướng		Khoảng thời gian		Quan điểm			Tiếp cận		
	Phương pháp*	SL	GS	BC	ĐG	TL	HT	QK	ĐV	ĐR	NH	DH	Micro	Meso	Macro	QT	TĐ	LG	
1	ACAFI	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	X	X	0	X	0	0	
2	Đánh giá tính bền vững (Accelerator/Compass investment sustainability assessment)	0	X	X	X	0	X	0	0	X	X	0	X	0	0	0	0	0	
3	Thẻ điểm Acumen (Acumen scorecard)	X	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	0	0	
4	BACO	X	X	X	0	X	X	X	X	0	X	0	0	X	X	X	0	X	
5	Thẻ điểm cân bằng (Balanced scorecard)	X	X	X	X	X	X	X	0	X	X	0	0	X	X	X	0	0	
6	Khung đánh giá tác động BoP (BoP impact assessment framework)	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	0	X	X	X	X	X	0	
7	Trung tâm hỗ trợ chi phí từ thiện có tác động (Center for high impact philanthropy cost per impact)	X	X	X	X	X	X	0	X	0	X	X	X	0	X	X	0	0	
8	CHAMP	0	0	X	X	0	0	X	X	0	X	0	X	0	X	X	0	0	
9	Phương pháp tiếp cận Dalberg (Dalberg Approach)	0	X	0	0	X	X	X	X	0	0	0	X	0	0	X	0	0	
10	Hệ thống theo dõi kết quả phát triển (Development outcome tracking system - DOTS)	0	0	X	X	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	0	
11	Dấu chân sinh thái (Ecological footprint)	X	0	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	
12	Hệ thống báo cáo hiệu suất môi trường (Environmental performance reporting System - EPRS)	0	0	X	X	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	0	
13	Tỷ lệ hoàn vốn (External rate of return - ERR)	0	0	X	X	0	X	0	0	X	X	0	0	X	0	0	X	X	
14	Quản lý tài chính, tác động, đổi mới và rủi ro (Financial, impact, innovation and risk management - FIIRM)	X	0	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	
15	Biểu đồ bong bóng đầu tư nền tảng (Foundation investment bubble chart)	0	0	X	X	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	0	
16	Nguyên tắc G4 (G4 guidelines)	X	0	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	
17	Hệ thống xếp hạng B (GIIRS/B rating system)	X	X	0	0	0	X	0	X	0	X	0	X	X	X	X	0	0	
18	Lợi tức kỳ vọng (Hewlett foundation expected return)	X	0	0	0	X	0	0	0	X	X	0	X	0	X	X	0	0	
19	Thẻ điểm tác động + lợi nhuận (HIP) (Human impact + profit (HIP) scorecard)	0	0	0	X	0	0	X	X	0	X	0	X	X	X	X	0	X	
20	Ma trận IRIS (IRIS metrics)	0	0	X	X	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	0	
21	Chứng nhận lãnh đạo về thiết kế năng lượng và môi trường (LEED) (Leadership in energy and environmental design (LEED) certification)	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
22	Hệ số kinh tế (Local economic multiplies)	X	0	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	
23	MDG - scan	0	0	X	X	0	0	X	0	X	X	0	0	0	X	X	0	0	
24	Khung đo lường tác động (Measuring impact framework)	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	X	0	X	X	X	X	0	
25	Bộ công cụ đo lường tác động (Measuring impacts toolkit)	0	0	0	X	0	0	X	X	0	X	0	X	X	X	X	0	X	
26	OASIS	0	X	X	X	0	X	X	X	X	X	0	X	0	X	X	X	X	
27	Đánh giá tác động có sự tham gia (Participatory impact assessment)	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	X	X	0	X	X	X	0	
28	Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm (Principles for responsible investment - PRI)	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
29	Đánh giá TĐXH của sản phẩm (Product social impact assessment - PSIA)	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
30	Chỉ số tiến độ thoát nghèo (Progress out of poverty index - PPI)	0	0	0	X	0	0	X	X	0	X	0	X	X	X	X	0	X	
31	PSIA	X	0	X	X	0	0	X	X	0	X	X	X	0	X	X	X	0	
32	Thẻ điểm giá trị công cộng (Public value scorecard)	0	X	X	0	X	X	0	X	0	X	0	0	X	X	X	0	0	
33	Tỷ lệ lợi ích - chi phí (Robin hood foundation benefit - cost ratio)	X	0	X	X	X	X	X	0	X	X	X	0	0	X	X	X	X	
34	SCA	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	X	X	0	0	
35	SCBA	X	0	X	X	X	X	X	X	0	X	X	0	0	X	X	X	X	
36	SCEA	0	0	X	X	0	0	X	X	0	X	X	0	0	X	X	0	X	
37	SEAT	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	0	X	X	X	0	0	
38	SIA	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	0	0	0	X	X	X	0	
39	Người đo lường xã hội (Social evaluator)	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
40	Dấu chân xã hội (Social footprint)	X	X	X	X	X	X	X	0	X	X	X	X	X	X	X	0	0	
41	Xếp hạng xã hội (Social rating)	0	0	X	X	0	0	X	0	X	0	X	X	X	X	X	0	0	
42	Đánh giá lợi tức xã hội (Social return assessment)	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	0	X	X	X	X	0	X	
43	Chỉ số giá trị xã hội (Social value metrics)	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
44	SROI	0	X	X	X	0	X	X	X	0	X	0	X	0	0	X	0	X	
45	SVA	0	0	0	X	0	0	X	0	X	0	0	0	X		X	0	X	
46	Hộp công cụ để phân tích các dự án đầu tư mạo hiểm bền vững (Toolbox for analysing sustainable ventures)	X	X	X	X	X	0	X	X	0	X	X	X	X	X	X	0	0	
47	Đo lường và quản lý tác động tổng thể (Total impact measurement and management - TIMM)	0	X	X	X	0	X	0	X	X	0	X	0	X	X	0	X	X	
48	Chi phí thực (Truecost)	X	X	X	X	X	X	X	X	0	X	0	X	X	X	X	X	0	
49	Giám sát liên doanh (Wellventure monitor)	0	0	X	X	0	0	X	0	X	0	X	X	X	X	X	0	0	

O: một phương pháp không bao gồm khía cạnh nào đó; X: một phương pháp bao gồm khía cạnh nào đó; SL: số lượng; GS: giám sát; BC: báo cáo; ĐG: đánh giá; TL: tương lai; HT: hiện tại; QK: quá khứ; ĐV: đầu vào; ĐR: đầu ra; NH: ngắn hạn; DH: dài hạn; Micro: cá nhân; Meso: DN, tổ chức; Macro: xã hội; QT: quy trình; TĐ: tác động; LG: lượng giá.

Nguồn: tác giả tổng hợp và bổ sung từ nghiên cứu [9].

Dựa trên 6 khía cạnh cụ thể nêu trên, phân loại các phương pháp cho thấy, mặc dù có rất nhiều phương pháp đo lường TĐXH, nhưng chỉ có 14/49 phương pháp thực sự đo lường được TĐXH một cách cụ thể (dựa trên định hướng đo lường là đầu ra [9]), đó là: Thẻ điểm cân bằng [12]; Hệ thống theo dõi kết quả phát triển [13]; Hệ thống báo cáo hiệu suất môi trường [14]; Tỷ lệ hoàn vốn [15]; Biểu đồ bong bóng đầu tư nền tảng [16]; Lợi tức kỳ vọng [17]; MDG - scan [18]; OASIS [19]; Tỷ lệ lợi ích - chi phí [20]; Dấu chân xã hội [21]; SVA [22]; Đo lường và quản lý tác động tổng thể [23]; Chi phí thực [24]; và Giám sát liên doanh [9].

Nhìn chung, điểm mạnh của các phương pháp đánh giá TĐXH trên là khả năng sử dụng, tính bao quát và khả năng chứng minh [9]. Về “khả năng sử dụng”, các phương pháp đa phần có sẵn và được sử dụng như một công cụ trực tuyến miễn phí. Về “tính bao quát”, các phương pháp có sự tham gia của nhiều bên liên quan (DN, nhà đầu tư, khách hàng, chính phủ). Về “khả năng chứng minh”, các công cụ cung cấp cách tiếp cận rõ ràng giúp DN, nhà đầu tư nhận diện các chỉ tiêu, con số trong báo cáo tác động.

Mặc dù có sự tiến bộ trong tính toàn diện và sự tiếp nhận của phương pháp luận, nhiều phương pháp vẫn còn nhiều hạn chế do chi phí (thời gian, thông tin) trong quá trình đo lường TĐXH khá lớn [25], tính chủ quan, tính minh bạch.

Tóm lại, bất cứ phương pháp hay công cụ đo lường TĐXH nào cũng có những điểm mạnh cũng như những điểm yếu đặc thù. Vì vậy, khi áp dụng cần linh hoạt kết hợp sử dụng những công cụ phù hợp để đưa ra một báo cáo TĐXH rõ ràng, cụ thể và minh bạch nhất. Ngoài ra, việc lựa chọn các phương pháp đo lường TĐXH cũng cần phù hợp với mục đích đo lường TĐXH, khung thời gian, định hướng, khoảng thời gian, quan điểm cũng như phương pháp tiếp cận.

3. Kiến nghị và đề xuất

3.1. Về phía các DN

Các DN cần chủ động tìm hiểu, có thể tự xây dựng bộ chỉ số TĐXH hoặc áp dụng một công cụ sẵn có để hiểu rõ dấu chân sinh thái của mình. Từ đó, hiểu được DN đang ở đâu, đang tạo ra những tác động gì, nhằm đề ra những định hướng thay đổi trong tương lai. Bên cạnh đó, các DN cần đổi mới, sáng tạo, tích cực xây dựng các hoạt động, dự án

xã hội hoặc chí ít là thực hiện trách nhiệm xã hội để dễ dàng tiếp cận các nhà đầu tư xã hội; tiếp cận những khách hàng khó tính, mở rộng thị trường. Đó là con đường bền vững nhất để DN phát triển bền vững.

3.2. Về phía Nhà nước

Nhà nước với vai trò là một trong những thiết chế xã hội quan trọng, sẽ có những tác động đến việc định hướng sự phát triển của nền kinh tế [26]. Vì vậy, trong lĩnh vực đo lường TĐXH còn đang khá mới ở Việt Nam, sự can thiệp của Nhà nước là cần thiết.

Thứ nhất, cần hiểu sâu hoạt động của các DN, nắm rõ những tác động của DN để dễ dàng quản lý, định hướng phát triển.

Thứ hai, cần có hệ thống văn bản hướng dẫn, quy định để các DN dễ dàng tiếp cận và không bị lúng túng khi áp dụng. Vì DN ở Việt Nam hiện nay mới tiếp cận các khái niệm về trách nhiệm xã hội, TĐXH mà chưa có một chính sách cụ thể hay chương trình đào tạo bài bản về vấn đề này.

Thứ ba, cần có chính sách đi đầu, kiểm toán cả hoạt động kinh doanh và hoạt động đo lường TĐXH, như nhiều quốc gia châu Âu đã thực hiện [10]. Như vậy mới xây dựng được môi trường kinh doanh bền vững cho các DN phát triển bền vững.

3.3. Nhà nghiên cứu trong lĩnh vực đánh giá TĐXH

Các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nên tiếp tục thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu để đánh giá và tìm ra hoặc xây dựng một phương pháp đo lường TĐXH phù hợp nhất với bối cảnh Việt Nam. Đây có thể coi là những hỗ trợ bước đầu đối với doanh nghiệp để doanh nghiệp tự đánh giá và điều chỉnh TĐXH của mình. Về dài hạn, đây sẽ là nhiệm vụ cũng như trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C. Clark, W. Rosenzweig (2004), *Double Bottom Line Project Report: Assessing Social Impact In Double Bottom Line Ventures*, University of California.
- [2] Knowledge Wharton High School (2011), *Social Impact - Definition from KWHs*.
- [3] J. McLoughlin, J. Kaminski, B. Sodagar, et al. (2009), “A strategic approach to social impact measurement of social enterprises”, *Soc. Enterp. J.*, 5(2), pp.154-178.
- [4] J. Radeke (2016), *Impact Assessment: Corporate Sustainability 2.0*, https://ssir.org/articles/entry/impact_assessment_corporate_sustainability_2.0, accessed 8 June 2016.

- [5] A.T. Adams (2014), *Global Consumers are Willing to Put Their Money Where Their Heart is When It Comes to Goods and Services from Companies Committed to Social Responsibility*, <https://www.nielsen.com/eu/en/press-releases/2014/global-consumers-are-willing-to-put-their-money-where-their-heart-is1/>, accessed 18 January 2014.
- [6] L. Nguyen, B. Szkudlarek, R. Seymour (2015), "Social impact measurement in social enterprises: An interdependence perspective", *Can. J. Adm. Sci./Rev. Can. Des Sci. l'Administration*, **32**, pp.224-237, DOI: 10.1002/cjas.1359.
- [7] N.Q.B. Ngan (2019), *The Impact of Social Responsibility on Innovation and Business Performance: The Case of Supermarkets in Ho Chi Minh City*, Master's Thesis, Ho Chi Minh City University of Economics (in Vietnamese).
- [8] L.M. Tien (2007), "Social capital and social capital measurement", *Journal of Social Sciences*, **3**, pp.72-77 (in Vietnamese).
- [9] K. Maas, K. Liket (2011), *Social Impact Measurement: Classification of Methods*, Springer, pp.171-202.
- [10] N.A. Dentchev (2004), "Corporate social performance as a business strategy", *J. Bus. Ethics*, **55**, pp.397-412.
- [11] G. Lamberton (2005), "Sustainability accounting - A brief history and conceptual framework", *Account. Forum*, **29**, pp.7-26, DOI: 10.1016/j.accfor.2004.11.001.
- [12] Robert S. Kaplan, David P. Norton (1992), *The Balanced Scorecard - Measures that Drive Performance*, Harvard Business Review.
- [13] The World Bank (2007), *World Development Report 2008: Agriculture for Development*.
- [14] Environmental Protection Agency (2021), *EPR - Environmental Performance Reporting*.
- [15] Library Service (2020), *A critical evaluation of social impact assessment methodologies and a call to measure economic and social impact holistically through the External Rate of Return platform*, <http://eprints.lse.ac.uk/65393/1/Assessing%20social%20impact%20assessment%20methods%20report%20-%20final.pdf>, accessed 8 June 2020.
- [16] Insights Into Eight Integrated Cost Approaches (2008), *Measuring and/or estimating social value creation: Insights into eight integrated cost approaches*, <https://docs.gatesfoundation.org/documents/wwl-report-measuring-estimating-social-value-creation.pdf>, access 15 December 2008.
- [17] Hewlett Foundation (2016), *Making Every Dollar Count*, https://hewlett.org/wp-content/uploads/2016/08/Making_Every_Dollar_Count.pdf, accessed 20 December 2016.
- [18] Inter Press Service (2007), *development-mdg-scan-to-benchmark-private-contribution*, <http://www.ipsnews.net/2007/02/development-mdg-scan-to-benchmark-private-contribution/>, accessed 15 November 2007.
- [19] A. Ikonne, O.D. Jesus (2012), *Outcome Assessment Information Set*, <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK563215/>, accessed 8 March 2012.
- [20] M.M. Weinstein, R.M. Bradburd (2013), *The Robin Hood Rules for Smart Giving*, Columbia University Press, 176p..
- [21] M.W. McElroy (2008), *The Social Footprint Method*, [https://www.sustainableorganizations.org/social-footprint-method/#:~:text=The%20Social%20Footprint%20Method%20\(SFM,McElroy%20in%202005%2D2008](https://www.sustainableorganizations.org/social-footprint-method/#:~:text=The%20Social%20Footprint%20Method%20(SFM,McElroy%20in%202005%2D2008), accessed 9 July 2008.
- [22] Social Ventures Australia (2020), *A Guide to Social Impact Measurement*, <https://www.socialventures.com.au/sva-quarterly/a-guide-to-social-impact-measurement/>, accessed 6 August 2020.
- [23] PWC (2013), *Measuring and Managing Total Impact: A New Language for Business Decisions*.
- [24] Trucost (2015), *Trucost's Valuation Methodology*, <http://www.naturalcapitalcoalition.org/natural-capital-protocol.html>, accessed 16 February 2015.
- [25] Claudia Cahalane (2021), *How to Measure Your Social Impact*, <https://www.the-sse.org/resources/sustaining/how-to-measure-your-social-impact/>, accessed 18 May 2021.
- [26] V.V. Ha (2019), *nguyen-tac-co-ban-xu-ly-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cuu/-/2018/812603/nguyen-tac-co-ban-xu-ly-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong.aspx>, accessed 24 September 2019 (in Vietnamese).